

TRƯỜNG CAO ĐẲNG BC CÔNG NGHỆ VÀ QUẢN THỊ DOANH NGHIỆP

PHÒNG
KHẢO THÍ VÀ KIỂM ĐỊNH

BẢNG ĐIỂM THI CUỐI KỲ - LẦN 1

Học kỳ 1 - Năm học : 2023-2024

Môn học : Công nghệ chế tạo máy - MH1102133

Mã lớp học phần: MH110213301

Số tín chỉ: 4

Giảng viên giảng dạy: Cao Thế Oanh

Ngày thi: 21/11/2023

Giờ thi: 15h15

Phòng thi: A1.12

Giám thị 1: Cao Thị Oanh

Ký tên: *[Signature]*

Giám thị 2: Trần Thị Hoa

Ký tên: *[Signature]*

Giám thị 3: Phan Thanh Bình

Ký tên: *[Signature]*

Giám thị 4:

Ký tên:

STT	Mã SV	Họ và tên	Ngày sinh	Chữ ký	Số tờ	Điểm số	Điểm chữ	Mã lớp	Ghi chú
1	2210040002	Dương Kiện An	23/08/2003	<i>[Signature]</i>	1	4.5	Bốn năm	C24CK1	
2	2210040037	Phạm Thanh An	08/05/2004	<i>[Signature]</i>	1	4.0	Bốn	C24CK2	
3	2210040051	Trần Hoàng An	28/10/2004	<i>[Signature]</i>	1	5.0	Năm	C24CK2	
4	2210040088	Lê Ngọc Bảo	07/10/2004	<i>[Signature]</i>	1	5.0	Năm	C24CK3	
5	2210040031	Nguyễn Văn Quốc Bảo	09/04/2004	<i>[Signature]</i>	1	3.5	Ba năm	C24CK1	
6	2210040071	Nguyễn Phạm Thái Bình	17/12/2004	<i>[Signature]</i>	1	5.5	Năm năm	C24CK2	
7	2210040084	Nguyễn Tấn Bình	11/12/2004	<i>[Signature]</i>	1	5.0	Năm	C24CK3	
8	2210040053	Phạm Quốc Bình	24/11/2004	<i>[Signature]</i>	1	3.5	Ba năm	C24CK2	
9	2210040054	Nguyễn Tấn Dàng	03/10/2004	<i>[Signature]</i>	1	2.0	Hai	C24CK2	
10	2210040083	Nguyễn Lê Trọng Diễn	11/11/2004	<i>[Signature]</i>	1	2.0	Hai	C24CK3	
11	2210040100	Hồ Quốc Duy	16/11/2003	<i>[Signature]</i>	1	2.0	Hai	C24CK3	
12	2210040025	Nguyễn Thanh Dũng	25/05/2004	<i>[Signature]</i>	1	2.0	Hai	C24CK1	
13	2210040039	Nguyễn Hoàng Dũng	05/05/2004	<i>[Signature]</i>	1	3.0	Ba	C24CK2	
14	2210040041	Hoàng Ngọc Dương	08/02/2004	<i>[Signature]</i>	1	7.0	Bảy	C24CK2	
15	2210040048	Lộc Hòa Dương	12/03/2004	<i>[Signature]</i>	1	4.0	Bốn	C24CK2	
16	2210040095	Nguyễn Ngọc Thái Dương	28/11/2004	<i>[Signature]</i>	1	4.0	Bốn	C24CK3	
17	2210040077	Bùi Sĩ Đan	03/10/2004	<i>[Signature]</i>	1	2.0	Hai	C24CK3	
18	2210040035	Nguyễn Hoàng Hải Đăng	02/02/2004	<i>[Signature]</i>	1	2.5	Hai năm	C24CK1	
19	2210040081	Nguyễn Kim Đông	25/06/2003	<i>[Signature]</i>	1	4.0	Bốn	C24CK3	
20	2210040050	Lý Hoa Đức	20/10/2004	<i>[Signature]</i>	1	4.5	Bốn năm	C24CK2	
21	2210040021	Trần Anh Đức	02/09/2004	<i>[Signature]</i>	1	4.0	Bốn	C24CK1	
22	2210040072	Võ Trọng Đức	04/03/2003	<i>[Signature]</i>	1	3.0	Ba	C24CK3	
23	2210040033	Nguyễn Trường Giang	01/10/2004	<i>[Signature]</i>	1	3.5	Ba năm	C24CK1	
24	2210040096	Lê Phước Hải	26/03/2004					C24CK3	
25	2210040079	Huỳnh Minh Hân	05/10/2004	<i>[Signature]</i>	1	7.0	Bảy	C24CK3	
26	2210040028	Phan Văn Hậu	17/03/2004	<i>[Signature]</i>	1	4.5	Bốn năm	C24CK1	
27	2210040045	Nguyễn Trọng Hiếu	11/03/2004	<i>[Signature]</i>	1	5.0	Năm	C24CK2	
28	2210040032	Trần Trí Huy	07/04/2004	<i>[Signature]</i>	1	7.0	Bảy	C24CK1	
29	2210040073	Lý Văn Huỳnh	01/01/2004	<i>[Signature]</i>	1	4.0	Bốn	C24CK3	
30	2210040022	Phạm Vĩnh Hưng	05/12/2003	<i>[Signature]</i>	1	2.0	Hai	C24CK1	
31	2210040067	Trần Duy Khang	19/06/2004	<i>[Signature]</i>	1	2.5	Hai năm	C24CK2	
32	2210040017	Trần Thanh Khang	30/03/2004	<i>[Signature]</i>	1	3.5	Ba năm	C24CK1	
33	2210040029	Võ Trường Khang	02/09/2004	<i>[Signature]</i>	1	1.0	Một	C24CK1	
34	2210040062	Bùi Anh Khoa	07/01/2004	<i>[Signature]</i>	1	2.0	Hai	C24CK2	
35	2210040065	Huỳnh Tấn Khoa	18/11/2004	<i>[Signature]</i>	1	7.0	Bảy	C24CK2	

ST.T	Mã SV	Họ và tên		Ngày sinh	Chữ ký	Số tờ	Điểm số	Điểm chữ	Mã lớp	Ghi chú
36	2210040014	Lê Nguyễn Đăng	Khoa	15/09/2004		1	5.0	Năm	C24CK2	
37	2210040018	Lê Võ Hoàng Đăng	Khoa	28/10/2004		1	2.5	Hai năm	C24CK1	
38	2210040089	Nguyễn Thành	Khoa	11/01/2004		1	3.5	Ba năm	C24CK3	
39	2210040092	Phạm Tuấn	Kiệt	04/5/2004		1	3.5	Ba năm	C24CK3	
40	2210040005	Nguyễn Gia	Kỳ	29/01/2003		1	3.0	Ba	C24CK1	
41	2210040030	Ngô Hoàng	Linh	09/06/2004		1	0.0	Không	C24CK1	
42	2210040036	Nguyễn Nhật	Linh	07/11/2004		1	3.0	Ba	C24CK1	
43	2210040064	Mã Văn Hoài	Long	17/20/2004		1	4.5	Bốn năm	C24CK2	
44	2210040086	Phạm Văn Phước	Lộc	25/01/2004		1	3.5	Ba năm	C24CK3	
45	2210040010	Tô Hữu	Lợi	22/11/2003		1	3.0	Ba	C24CK1	

Lưu ý: - Sinh viên chưa đóng học phí không được kiểm tra giữa kỳ và thi kết thúc học phần.
- Trường không công nhận điểm đối với trường hợp GV, CBCT ghi thêm tên SV vào bảng điểm.

Tổng số sinh viên dự thi: 44 vắng thi: 01 Số bài thi/Số tờ: 44 / 44.

Số sinh viên đạt: 20 Tỷ lệ đạt: 45.45%

Ngày 28 tháng 11 năm 2023

TRƯỞNG KHOA/ BỘ MÔN

(ký & ghi rõ họ tên)

ThS. Phạm Văn Dũng

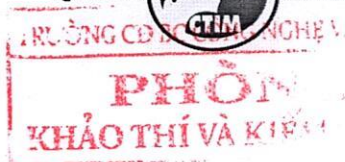


Ngày 27 tháng 11 năm 2023

GIÁO VIÊN CHẤM THI

(ký & ghi rõ họ tên)

Cao Thế Vinh



BẢNG ĐIỂM THI CUỐI KỲ - LẦN 1

Học kỳ 1 - Năm học : 2023-2024

Môn học : Công nghệ chế tạo máy - MH1102133

Mã lớp học phần: MH110213301

Số tín chỉ: 4

Giảng viên giảng dạy: Cao Thế Oanh

Ngày thi: 21/11/2023

Giờ thi: 15h15

Phòng thi: A1.8

Giám thị 1: La Trung Sơn

Ký tên: La Trung Sơn

Giám thị 2: Nguyễn Văn Dũng

Ký tên: Nguyễn Văn Dũng

Giám thị 3: _____

Ký tên: _____

Giám thị 4: _____

Ký tên: _____

STT	Mã SV	Họ và tên	Ngày sinh	Chữ ký	Số tờ	Điểm số	Điểm chữ	Mã lớp	Ghi chú
1	2210040042	Trần Ngọc Mẫn	20/10/2004	<u>Mẫn</u>	1	3.0	Ba	C24CK2	
2	2210040052	Nguyễn Hoàng Minh	14/08/2004	<u>Minh</u>	1	3.5	Ba năm	C24CK2	
3	2210040012	Võ Hoàng Nam	27/09/2004	<u>Nam</u>	1	6.0	Sáu	C24CK1	
4	2210040044	Trần Hữu Nghĩa	02/08/2004	<u>Nghĩa</u>	1	4.5	Bốn năm	C24CK2	
5	2210040049	Sok Quang Nhật	15/09/2003	<u>Quang</u>	1	4.0	Bốn	C24CK2	
6	2210040058	Hồ Văn Phát	01/03/2004	<u>Phát</u>	1	4.5	Bốn năm	C24CK2	
7	2210040097	Nguyễn Thanh Phong	11/10/2004	<u>Phong</u>	1	4.0	Bốn	C24CK3	
8	2210040074	Nguyễn Trần Hồng Phúc	03/12/2004	<u>Phúc</u>	1	5.0	Năm	C24CK3	
9	2210040011	Nguyễn Trọng Phúc	08/02/2004	<u>Phúc</u>	1	6.0	Sáu	C24CK1	
10	2210040082	Trương Trọng Phúc	07/01/2004	<u>Phúc</u>	1	6.5	Sáu năm	C24CK3	
11	2210040001	Võ Hoàng Phúc	02/11/2003	<u>Phúc</u>	1	4.5	Bốn năm	C24CK1	
12	2210040063	Nguyễn Tài Phước	10/06/2004	<u>Phước</u>	1	3.0	Ba	C24CK2	
13	2210040060	Hà Lê Thành Tài	04/05/2004	<u>Tài</u>	1	3.0	Ba	C24CK2	
14	2210040056	Nguyễn Hữu Tài	26/11/2004	<u>Tài</u>	1	3.0	Ba	C24CK1	
15	2210040076	Nguyễn Minh Tài	24/04/2003	<u>Tài</u>	1	2.5	Hai năm	C24CK3	
16	2210040020	Nguyễn Quang Tân	05/04/2004	<u>Tân</u>	1	3.0	Ba	C24CK1	
17	2210040016	Trần Quốc Thái	28/02/2004	<u>Thái</u>	1	2.5	Hai năm	C24CK1	
18	2210040015	Nguyễn Quốc Thống	03/08/2004	<u>Thống</u>	1	2.0	Hai	C24CK1	
19	2210040091	Nguyễn Minh Thuận	29/08/2004	<u>Thuận</u>	1	4.5	Bốn năm	C24CK3	
20	2210040047	Chế Thành Trung	21/02/2004	<u>Trung</u>	1	4.5	Bốn năm	C24CK2	
21	2210040093	Ngô Nhật Trường	05/02/2004	<u>Trường</u>	1	5.5	Năm năm	C24CK3	
22	2210040040	Phan Văn Trường	19/12/2004	<u>Trường</u>	1	3.0	Ba	C24CK2	
23	2210040099	Trần Nguyễn Trung Trục	28/08/2004	<u>Trục</u>	1	3.5	Ba năm	C24CK3	
24	2210040057	Lê Thanh Tùng	04/11/2004	<u>Tùng</u>	1	5.5	Năm năm	C24CK2	
25	2210040075	Nguyễn Quốc Việt	08/08/2004	<u>Việt</u>	1	4.0	Bốn	C24CK3	
26	2210040066	Lê Nguyễn Quốc Vinh	18/07/2004	<u>Vinh</u>	1	3.5	Ba năm	C24CK2	
27	2210040019	Võ Chí Vĩnh	10/11/2004	<u>Vĩnh</u>	1	3.5	Ba năm	C24CK1	

Lưu ý: - Sinh viên chưa đóng học phí không được kiểm tra giữa kỳ và thi kết thúc học phần.
- Trường không công nhận điểm đối với trường hợp GV, CBCT ghi thêm tên SV vào bảng điểm.

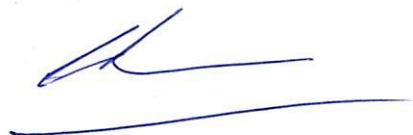
Tổng số sinh viên dự thi: 27 vắng thi: 0 Số bài thi/Số tờ: 27 / 27

Số sinh viên đạt: 14 Tỷ lệ đạt: 51,85%

Ngày 28 tháng 11 năm 2023

TRƯỞNG KHOA/ BỘ MÔN

(ký & ghi rõ họ tên)



ThS. Phạm Văn Dũng

Ngày 28 tháng 11 năm 2023

GIÁO VIÊN CHẤM THI

(ký & ghi rõ họ tên)



Cao Thị Duyên



PHÒNG
KHẢO THÍ VÀ KIỂM ĐỊNH

BẢNG ĐIỂM THI CUỐI KỲ

Học kỳ 1 - Năm học : 2023-2024

Môn học : Công nghệ chế tạo máy - MH1102133

Mã lớp học phần: MH110213301

Số tín chỉ: 4

Giảng viên giảng dạy: Cao Thế Oanh - (02015)

Ngày thi: _____ Giờ thi: _____ Phòng thi: _____

Giám thị 1: Cao Thế Oanh Ký tên: [Signature]

Giám thị 2: Trần Thị Hoa Ký tên: [Signature]

Giám thị 3: Phan Thành Tuấn Ký tên: [Signature]

Giám thị 4: _____ Ký tên: _____

STT	Mã SV	Họ và tên	Ngày sinh	Chữ ký	Số tờ	Điểm số	Điểm chữ	Mã lớp	Ghi chú
1	2010040033	Nguyễn Đức Lợi	06/08/2002	<u>[Signature]</u>	1	7.0	<u>Bảy</u>	C22CK2	

Lưu ý: sinh viên chưa đóng học phí không được kiểm tra giữa kỳ và thi kết thúc học phần.

Tổng số sinh viên dự thi : 01 vắng thi: 0 . Số bài thi/Số tờ: 01 / 01 .

Số sinh viên đạt/không đạt: 1 / 0

Tỷ lệ đạt: 100 , 00 %

Ngày 27 tháng 11 năm 2023

TRƯỞNG KHOA/ BỘ MÔN

(ký & ghi rõ họ tên)

[Signature]

ThS. Phạm Văn Dũng

Ngày 27 tháng 11 năm 2023

GIÁO VIÊN CHẤM THI

(ký & ghi rõ họ tên)

[Signature]

Cao Thế Oanh

BẢNG ĐIỂM KIỂM TRA THƯỜNG XUYÊN

Học kỳ 1 - Năm học : 2023-2024

Môn học : Công nghệ chế tạo máy - MH1102133

Mã lớp học phần: MH110213301

Số tín chỉ: 4

Giảng viên giảng dạy: Cao Thế Oanh - (02015)

Ngày thi: _____ Giờ thi: _____ Phòng thi: _____

Giám thị 1: Cao Thế Oanh Ký tên: ST

Giám thị 2: _____ Ký tên: _____

Giám thị 3: _____ Ký tên: _____

Giám thị 4: _____ Ký tên: _____

STT	Mã SV	Họ và tên	Ngày sinh	Chữ ký	Điểm số	Điểm chữ	Mã lớp	Ghi chú
1	2210040002	Dương Kiện An	23/08/2003	<u>DA</u>	7.0	Bảy	C24CK1	
2	2210040031	Nguyễn Văn Quốc Bảo	09/04/2004	<u>ĐNB</u>	4.0	Bốn	C24CK1	
3	2210040025	Nguyễn Thanh Dũng	25/05/2004	<u>DT</u>	6.5	Sáu rưỡi	C24CK1	
4	2210040035	Nguyễn Hoàng Hải Đăng	02/02/2004	<u>ND</u>	6.5	Sáu rưỡi	C24CK1	
5	2210040021	Trần Anh Đức	02/09/2004	<u>ĐT</u>	6.5	Sáu rưỡi	C24CK1	
6	2210040033	Nguyễn Trường Giang	01/10/2004	<u>CTG</u>	4.0	Bốn	C24CK1	
7	2210040028	Phan Văn Hậu	17/03/2004	<u>PVH</u>	6.5	Sáu rưỡi	C24CK1	
8	2210040032	Trần Trí Huy	07/04/2004	<u>TH</u>	6.0	Sáu	C24CK1	
9	2210040022	Phạm Vĩnh Hưng	05/12/2003	<u>PVH</u>	6.0	Sáu	C24CK1	
10	2210040017	Trần Thanh Khang	30/03/2004	<u>TK</u>	6.5	Sáu rưỡi	C24CK1	
11	2210040029	Võ Trường Khang	02/09/2004	<u>VTK</u>	5.0	Năm	C24CK1	
12	2210040018	Lê Võ Hoàng Đăng Khoa	28/10/2004	<u>LKH</u>	4.0	Bốn	C24CK1	
13	2210040005	Nguyễn Gia Kỳ	29/01/2003	<u>JK</u>	6.0	Sáu	C24CK1	
14	2210040030	Ngô Hoàng Linh	09/06/2004	<u>NHL</u>	4.0	Bốn	C24CK1	
15	2210040036	Nguyễn Nhật Linh	07/11/2004	<u>NHL</u>	4.0	Bốn	C24CK1	
16	2010040033	Nguyễn Đức Lợi	06/08/2002	<u>NĐL</u>	7.0	Bảy	C22CK2	NĐL
17	2210040010	Tô Hữu Lợi	22/11/2003	<u>THL</u>	4.0	Bốn	C24CK1	
18	2210040012	Võ Hoàng Nam	27/09/2004	<u>VHN</u>	4.0	Bốn	C24CK1	
19	2210040011	Nguyễn Trọng Phúc	08/02/2004	<u>NTP</u>	4.0	Bốn	C24CK1	
20	2210040001	Võ Hoàng Phúc	02/11/2003	<u>VHP</u>	6.0	Sáu	C24CK1	
21	2210040056	Nguyễn Hữu Tài	26/11/2004	<u>NHT</u>	5.0	Năm	C24CK1	
22	2210040020	Nguyễn Quang Tân	05/04/2004	<u>NQT</u>	6.5	Sáu rưỡi	C24CK1	
23	2210040016	Trần Quốc Thái	28/02/2004	<u>TQT</u>	5.5	Năm rưỡi	C24CK1	
24	2210040015	Nguyễn Quốc Thống	03/08/2004	<u>NQT</u>	5.0	Năm	C24CK1	
25	2210040019	Võ Chí Vinh	10/11/2004	<u>VCV</u>	7.0	Bảy	C24CK1	

Lưu ý: Sinh viên chưa đóng học phí không được kiểm tra giữa kỳ và thi kết thúc học phần.

Tổng số sinh viên dự thi : 25 vắng thi: 0 . Số bài thi: 25 / 25 .Số sinh viên đạt/không đạt: 17 / 08Tỷ lệ đạt: 68 , 02%Ngày 31 tháng 10 năm 2023

TRƯỞNG KHOA/ BỘ MÔN

(ký & ghi rõ họ tên)

ThS. Phạm Văn Dũng

Ngày 31 tháng 10 năm 2023

GIÁO VIÊN CHẤM THI

(ký & ghi rõ họ tên)

Cao Thế Oanh

BẢNG ĐIỂM KIỂM TRA THƯỜNG XUYÊN

Học kỳ 1 - Năm học : 2023-2024

Môn học : Công nghệ chế tạo máy - MH1102133

Mã lớp học phần: MH110213301

Số tín chỉ: 4

Giảng viên giảng dạy: Cao Thế Oanh - (02015)

Ngày thi: _____ Giờ thi: _____ Phòng thi: _____

Giám thị 1: Cao Thế Oanh Ký tên: [Signature]

Giám thị 2: _____ Ký tên: _____

Giám thị 3: _____ Ký tên: _____

Giám thị 4: _____ Ký tên: _____

STT	Mã SV	Họ và tên	Ngày sinh	Chữ ký	Điểm số	Điểm chữ	Mã lớp	Ghi chú
1	2210040037	Phạm Thanh An	08/05/2004	<u>[Signature]</u>	6.5	Sáu năm	C24CK2	
2	2210040051	Trần Hoàng An	28/10/2004	<u>[Signature]</u>	7.5	Bảy năm	C24CK2	
3	2210040071	Nguyễn Phạm Thái Bình	17/12/2004	<u>[Signature]</u>	5.5	Năm năm	C24CK2	
4	2210040053	Phạm Quốc Bình	24/11/2004	<u>[Signature]</u>	4.0	Bốn	C24CK2	
5	2210040054	Nguyễn Tấn Dàng	03/10/2004	<u>[Signature]</u>	3.0	Ba	C24CK2	
6	2210040039	Nguyễn Hoàng Dũng	05/05/2004	<u>[Signature]</u>	5.0	Năm	C24CK2	
7	2210040041	Hoàng Ngọc Dương	08/02/2004	<u>[Signature]</u>	6.5	Sáu năm	C24CK2	
8	2210040048	Lộc Hòa Dương	12/03/2004	<u>[Signature]</u>	6.0	Sáu	C24CK2	
9	2210040050	Lý Hoa Đức	20/10/2004	<u>[Signature]</u>	6.0	Sáu	C24CK2	
10	2210040045	Nguyễn Trọng Hiếu	11/03/2004	<u>[Signature]</u>	6.5	Sáu năm	C24CK2	
11	2210040067	Trần Duy Khang	19/06/2004	<u>[Signature]</u>	4.5	Bốn năm	C24CK2	
12	2210040062	Bùi Anh Khoa	07/01/2004	<u>[Signature]</u>	4.5	Bốn năm	C24CK2	
13	2210040065	Huỳnh Tấn Khoa	18/11/2004	<u>[Signature]</u>	8.0	Tám	C24CK2	
14	2210040014	Lê Nguyễn Đăng Khoa	15/09/2004	<u>[Signature]</u>	5.0	Năm	C24CK2	
15	2210040064	Mã Văn Hoài Long	17/20/2004	<u>[Signature]</u>	6.5	Sáu năm	C24CK2	
16	2210040038	Nguyễn Hoàng Minh Luân	04/09/2004	<u>[Signature]</u>	4.5	Bốn năm	C24CK2	
17	2210040042	Trần Ngọc Mẫn	20/10/2004	<u>[Signature]</u>	3.0	Ba	C24CK2	
18	2210040052	Nguyễn Hoàng Minh	14/08/2004	<u>[Signature]</u>	6.5	Sáu năm	C24CK2	
19	2210040044	Trần Hữu Nghĩa	02/08/2004	<u>[Signature]</u>	7.0	Bảy	C24CK2	
20	2210040049	Sok Quang Nhật	15/09/2003	<u>[Signature]</u>	7.0	Bảy	C24CK2	
21	2210040058	Hồ Văn Phát	01/03/2004	<u>[Signature]</u>	7.0	Bảy	C24CK2	
22	2210040070	Đinh Hoài Phong	05/09/2004	<u>[Signature]</u>	5.0	Năm	C24CK2	
23	2210040063	Nguyễn Tài Phước	10/06/2004	<u>[Signature]</u>	5.0	Năm	C24CK2	
24	2210040060	Hà Lê Thành Tài	04/05/2004	<u>[Signature]</u>	7.0	Bảy	C24CK2	
25	2210040047	Chế Thành Trung	21/02/2004	<u>[Signature]</u>	5.5	Năm năm	C24CK2	
26	2210040040	Phan Văn Trường	19/12/2004	<u>[Signature]</u>	3.0	Ba	C24CK2	
27	2210040057	Lê Thanh Tùng	04/11/2004	<u>[Signature]</u>	6.5	Sáu năm	C24CK2	
28	2210040066	Lê Nguyễn Quốc Vinh	18/07/2004	<u>[Signature]</u>	5.0	Năm năm	C24CK2	

Lưu ý: Sinh viên chưa đóng học phí không được kiểm tra giữa kỳ và thi kết thúc học phần.

Tổng số sinh viên dự thi: 20 vắng thi: 0 Số bài thi: 28 / 28

Số sinh viên đạt/không đạt: 21 / 07

Tỷ lệ đạt: 75 , 100 %

Ngày 21 tháng 10 năm 2023

TRƯỞNG KHOA/ BỘ MÔN

(ký & ghi rõ họ tên)



ThS. Phạm Văn Dũng

Ngày 31 tháng 10 năm 2023

GIÁO VIÊN CHẤM THI

(ký & ghi rõ họ tên)



Cao Thế Vinh



BẢNG ĐIỂM KIỂM TRA THƯỜNG XUYÊN

Học kỳ 1 - Năm học : 2023-2024

Môn học : Công nghệ chế tạo máy - MH1102133

Mã lớp học phần: MH110213301

Số tín chỉ: 4

Giảng viên giảng dạy: Cao Thế Oanh - (02015)

Ngày thi: _____ Giờ thi: _____ Phòng thi: _____

Giám thị 1: Cao Thế Oanh Ký tên: [Signature]

Giám thị 2: _____ Ký tên: _____

Giám thị 3: _____ Ký tên: _____

Giám thị 4: _____ Ký tên: _____

STT	Mã SV	Họ và tên	Ngày sinh	Chữ ký	Điểm số	Điểm chữ	Mã lớp	Ghi chú
1	2210040088	Lê Ngọc Bảo	07/10/2004	<u>[Signature]</u>	7.0	Bảy	C24CK3	
2	2210040084	Nguyễn Tấn Bình	11/12/2004	<u>[Signature]</u>	7.0	Bảy	C24CK3	
3	2210040083	Nguyễn Lê Trọng Diễm	11/11/2004	<u>[Signature]</u>	6.0	Sáu	C24CK3	
4	2210040100	Hồ Quốc Duy	16/11/2003	<u>[Signature]</u>	6.0	Sáu	C24CK3	
5	2210040095	Nguyễn Ngọc Thái Dương	28/11/2004	<u>[Signature]</u>	3.0	Ba	C24CK3	
6	2210040077	Bùi Sĩ Đan	03/10/2004	<u>[Signature]</u>	5.5	Năm rưỡi	C24CK3	
7	2210040085	Lâm Thành Đạt	23/12/2004	<u>[Signature]</u>	4.0	Bốn	C24CK3	
8	2210040081	Nguyễn Kim Đông	25/06/2003	<u>[Signature]</u>	3.0	Ba	C24CK3	
9	2210040072	Võ Trọng Đức	04/03/2003	<u>[Signature]</u>	5.0	Năm	C24CK3	
10	2210040096	Lê Phước Hải	26/03/2004	<u>[Signature]</u>	4.0	Bốn	C24CK3	
11	2210040079	Huỳnh Minh Hân	05/10/2004	<u>[Signature]</u>	5.0	Năm	C24CK3	
12	2210040073	Lý Văn Huỳnh	01/01/2004	<u>[Signature]</u>	4.0	Bốn	C24CK3	
13	2210040089	Nguyễn Thành Khoa	11/01/2004	<u>[Signature]</u>	5.0	Năm	C24CK3	
14	2210040092	Phạm Tuấn Kiệt	04/20/2004	<u>[Signature]</u>	6.5	Sáu rưỡi	C24CK3	
15	2210040086	Phạm Văn Phước Lộc	25/01/2004	<u>[Signature]</u>	5.0	Năm	C24CK3	
16	2210040097	Nguyễn Thanh Phong	11/10/2004	<u>[Signature]</u>	6.0	Sáu	C24CK3	
17	2210040074	Nguyễn Trần Hồng Phúc	03/12/2004	<u>[Signature]</u>	5.5	Năm rưỡi	C24CK3	
18	2210040082	Trương Trọng Phúc	07/01/2004	<u>[Signature]</u>	5.5	Năm rưỡi	C24CK3	
19	2210040076	Nguyễn Minh Tài	24/04/2003	<u>[Signature]</u>	7.0	Bảy	C24CK3	
20	2210040091	Nguyễn Minh Thuận	29/08/2004	<u>[Signature]</u>	6.5	Sáu rưỡi	C24CK3	
21	2210040093	Ngô Nhật Trường	05/02/2004	<u>[Signature]</u>	7.0	Bảy	C24CK3	
22	2210040099	Trần Nguyễn Trung Trục	28/08/2004	<u>[Signature]</u>	6.0	Sáu	C24CK3	
23	2210040075	Nguyễn Quốc Việt	08/08/2004	<u>[Signature]</u>	6.0	Sáu	C24CK3	

Lưu ý: Sinh viên chưa đóng học phí không được kiểm tra giữa kỳ và thi kết thúc học phần.

Tổng số sinh viên dự thi: 23 vắng thi: 0 . Số bài thi: 23 / 23 .

Số sinh viên đạt/không đạt: 18 / 05

Tỷ lệ đạt: 78 , 26%

Ngày 31 tháng 10 năm 2023

TRƯỞNG KHOA/ BỘ MÔN

(ký & ghi rõ họ tên)

[Signature]

ThS. Phạm Văn Dũng

Ngày 31 tháng 10 năm 2023

GIÁO VIÊN CHẤM THI

(ký & ghi rõ họ tên)

[Signature]
Cao Thế Oanh

BẢNG ĐIỂM KIỂM TRA ĐỊNH KỲ

Học kỳ 1 - Năm học : 2023-2024

Môn học : Công nghệ chế tạo máy - MH1102133

Mã lớp học phần: MH110213301

Số tín chỉ: 4

Giảng viên giảng dạy: Cao Thế Oanh - (02015)

Ngày thi: _____ Giờ thi: _____ Phòng thi: _____

Giám thị 1: Cao Thế Oanh Ký tên: [Signature]

Giám thị 2: _____ Ký tên: _____

Giám thị 3: _____ Ký tên: _____

Giám thị 4: _____ Ký tên: _____

STT	Mã SV	Họ và tên	Ngày sinh	Chữ ký	Điểm số	Điểm chữ	Mã lớp	Ghi chú
1	2210040002	Dương Kiện An	23/08/2003	<u>[Signature]</u>	7.0	Bảy	C24CK1	
2	2210040031	Nguyễn Văn Quốc Bảo	09/04/2004	<u>[Signature]</u>	6.5	Sáu rưỡi	C24CK1	
3	2210040025	Nguyễn Thanh Dũng	25/05/2004	<u>[Signature]</u>	6.0	Sáu	C24CK1	
4	2210040035	Nguyễn Hoàng Hải Đăng	02/02/2004	<u>[Signature]</u>	6.5	Sáu rưỡi	C24CK1	
5	2210040021	Trần Anh Đức	02/09/2004	<u>[Signature]</u>	7.0	Bảy	C24CK1	
6	2210040033	Nguyễn Trường Giang	01/10/2004	<u>[Signature]</u>	6.0	Sáu	C24CK1	
7	2210040028	Phan Văn Hậu	17/03/2004	<u>[Signature]</u>	6.5	Sáu rưỡi	C24CK1	
8	2210040032	Trần Trí Huy	07/04/2004	<u>[Signature]</u>	6.0	Sáu	C24CK1	
9	2210040022	Phạm Vĩnh Hưng	05/12/2003	<u>[Signature]</u>	7.0	Bảy	C24CK1	
10	2210040017	Trần Thanh Khang	30/03/2004	<u>[Signature]</u>	7.0	Bảy	C24CK1	
11	2210040029	Võ Trường Khang	02/09/2004	<u>[Signature]</u>	5.5	Năm rưỡi	C24CK1	
12	2210040018	Lê Võ Hoàng Đăng Khoa	28/10/2004	<u>[Signature]</u>	5.5	Năm rưỡi	C24CK1	
13	2210040005	Nguyễn Gia Kỳ	29/01/2003	<u>[Signature]</u>	6.5	Sáu rưỡi	C24CK1	
14	2210040030	Ngô Hoàng Linh	09/06/2004	<u>[Signature]</u>	6.0	Sáu	C24CK1	
15	2210040036	Nguyễn Nhật Linh	07/11/2004	<u>[Signature]</u>	5.5	Năm rưỡi	C24CK1	
16	2010040033	Nguyễn Đức Lợi	06/08/2002	<u>[Signature]</u>	6.5	Sáu rưỡi	C22CK2	RL
17	2210040010	Tô Hữu Lợi	22/11/2003	<u>[Signature]</u>	5.5	Năm rưỡi	C24CK1	
18	2210040012	Võ Hoàng Nam	27/09/2004	<u>[Signature]</u>	6.0	Sáu	C24CK1	
19	2210040011	Nguyễn Trọng Phúc	08/02/2004	<u>[Signature]</u>	5.5	Năm rưỡi	C24CK1	
20	2210040001	Võ Hoàng Phúc	02/11/2003	<u>[Signature]</u>	6.0	Sáu	C24CK1	
21	2210040056	Nguyễn Hữu Tài	26/11/2004	<u>[Signature]</u>	5.5	Năm rưỡi	C24CK1	
22	2210040020	Nguyễn Quang Tân	05/04/2004	<u>[Signature]</u>	7.0	Bảy	C24CK1	
23	2210040016	Trần Quốc Thái	28/02/2004	<u>[Signature]</u>	6.0	Sáu	C24CK1	
24	2210040015	Nguyễn Quốc Thống	03/08/2004	<u>[Signature]</u>	6.5	Sáu rưỡi	C24CK1	
25	2210040019	Võ Chí Vĩnh	10/11/2004	<u>[Signature]</u>	7.5	Bảy rưỡi	C24CK1	

Lưu ý: Sinh viên chưa đóng học phí không được kiểm tra giữa kỳ và thi kết thúc học phần.

Tổng số sinh viên dự thi: 25 vắng thi: 0 Số bài thi: 25 / 25Số sinh viên đạt/không đạt: 25 / 0Tỷ lệ đạt: 100 %Ngày: 8 tháng 11 năm 2023

TRƯỞNG KHOA/ BỘ MÔN

(ký & ghi rõ họ tên)

[Signature]

ThS. Phạm Văn Dũng

Ngày: 8 tháng 11 năm 2023

GIÁO VIÊN CHẤM THI

(ký & ghi rõ họ tên)

[Signature]

Cao Thế Oanh

BẢNG ĐIỂM KIỂM TRA ĐỊNH KỲ

Học kỳ 1 - Năm học : 2023-2024

Môn học : Công nghệ chế tạo máy - MH1102133

Giám thị 1: Cao Thế Oanh Ký tên: [Signature]

Mã lớp học phần: MH110213301

Số tín chỉ: 4

Giám thị 2: _____ Ký tên: _____

Giảng viên giảng dạy: Cao Thế Oanh - (02015)

Giám thị 3: _____ Ký tên: _____

Ngày thi: _____ Giờ thi: _____ Phòng thi: _____

Giám thị 4: _____ Ký tên: _____

STT	Mã SV	Họ và tên	Ngày sinh	Chữ ký	Điểm số	Điểm chữ	Mã lớp	Ghi chú
1	2210040037	Phạm Thanh An	08/05/2004	<u>An</u>	7.0	Bảy	C24CK2	
2	2210040051	Trần Hoàng An	28/10/2004	<u>An</u>	8.0	Tám	C24CK2	
3	2210040071	Nguyễn Phạm Thái Bình	17/12/2004	<u>Bình</u>	6.0	Sáu	C24CK2	
4	2210040053	Phạm Quốc Bình	24/11/2004	<u>Bình</u>	6.0	Sáu	C24CK2	
5	2210040054	Nguyễn Tấn Dàng	03/10/2004	<u>Dàng</u>	6.0	Sáu	C24CK2	
6	2210040039	Nguyễn Hoàng Dũng	05/05/2004	<u>Dũng</u>	5.5	Năm rưỡi	C24CK2	
7	2210040041	Hoàng Ngọc Dương	08/02/2004	<u>Dương</u>	7.5	Bảy rưỡi	C24CK2	
8	2210040048	Lộc Hòa Dương	12/03/2004	<u>Dương</u>	7.0	Bảy	C24CK2	
9	2210040050	Lý Hoa Đức	20/10/2004	<u>Đức</u>	7.0	Bảy	C24CK2	
10	2210040045	Nguyễn Trọng Hiếu	11/03/2004	<u>Hiếu</u>	6.0	Sáu	C24CK2	
11	2210040067	Trần Duy Khang	19/06/2004	<u>Khang</u>	6.0	Sáu	C24CK2	
12	2210040062	Bùi Anh Khoa	07/01/2004	<u>Khoa</u>	6.0	Sáu	C24CK2	
13	2210040065	Huỳnh Tấn Khoa	18/11/2004	<u>Khoa</u>	8.5	Tám rưỡi	C24CK2	
14	2210040014	Lê Nguyễn Đăng Khoa	15/09/2004	<u>Khoa</u>	6.0	Sáu	C24CK2	
15	2210040064	Mã Văn Hoài Long	17/20/2004	<u>Long</u>	7.0	Bảy	C24CK2	
16	2210040038	Nguyễn Hoàng Minh Luân	04/09/2004	<u>Luân</u>			C24CK2	Vắng
17	2210040042	Trần Ngọc Mẫn	20/10/2004	<u>Mẫn</u>	6.0	Sáu	C24CK2	
18	2210040052	Nguyễn Hoàng Minh	14/08/2004	<u>Minh</u>	7.0	Bảy	C24CK2	
19	2210040044	Trần Hữu Nghĩa	02/08/2004	<u>Nghĩa</u>	7.0	Bảy	C24CK2	
20	2210040049	Sok Quang Nhật	15/09/2003	<u>Nguy</u>	7.5	Bảy rưỡi	C24CK2	
21	2210040058	Hồ Văn Phát	01/03/2004	<u>Phát</u>	7.0	Bảy	C24CK2	
22	2210040070	Đinh Hoài Phong	05/09/2004	<u>Phong</u>	VT	VT	C24CK2	Vắng
23	2210040063	Nguyễn Tài Phước	10/06/2004	<u>Phước</u>	6.5	Sáu rưỡi	C24CK2	
24	2210040060	Hà Lê Thành Tài	04/05/2004	<u>Tài</u>	7.5	Bảy rưỡi	C24CK2	
25	2210040047	Chế Thành Trung	21/02/2004	<u>Trung</u>	6.0	Sáu	C24CK2	
26	2210040040	Phan Văn Trường	19/12/2004	<u>Trường</u>	6.0	Sáu	C24CK2	
27	2210040057	Lê Thanh Tùng	04/11/2004	<u>Tùng</u>	7.5	Bảy rưỡi	C24CK2	
28	2210040066	Lê Nguyễn Quốc Vinh	18/07/2004	<u>Vinh</u>	7.0	Bảy	C24CK2	

Lưu ý: Sinh viên chưa đóng học phí không được kiểm tra giữa kỳ và thi kết thúc học phần.

Tổng số sinh viên dự thi: 26 vắng thi: 02 Số bài thi: 16 / 26Số sinh viên đạt/không đạt: 26 / 0Tỷ lệ đạt: 100 %

Ngày 08 tháng 11 năm 2023

TRƯỞNG KHOA/ BỘ MÔN

(ký & ghi rõ họ tên)



ThS. Phạm Văn Dũng

Ngày 08 tháng 11 năm 2023

GIÁO VIÊN CHẤM THI

(ký & ghi rõ họ tên)



TRƯ
KI



BẢNG ĐIỂM KIỂM TRA ĐỊNH KỲ

Học kỳ 1 - Năm học : 2023-2024

Môn học : Công nghệ chế tạo máy - MH1102133

Giám thị 1: Cao Thị Bình Ký tên: [Signature]

Mã lớp học phần: MH110213301

Số tín chỉ: 4

Giám thị 2: _____ Ký tên: _____

Giảng viên giảng dạy: Cao Thế Oanh - (02015)

Giám thị 3: _____ Ký tên: _____

Ngày thi: _____ Giờ thi: _____ Phòng thi: _____

Giám thị 4: _____ Ký tên: _____

STT	Mã SV	Họ và tên	Ngày sinh	Chữ ký	Điểm số	Điểm chữ	Mã lớp	Ghi chú
1	2210040088	Lê Ngọc Bảo	07/10/2004	<u>[Signature]</u>	7.0	Bảy	C24CK3	
2	2210040084	Nguyễn Tấn Bình	11/12/2004	<u>[Signature]</u>	6.5	Sáu năm	C24CK3	
3	2210040083	Nguyễn Lê Trọng Diễm	11/11/2004	<u>[Signature]</u>	6.0	Sáu	C24CK3	
4	2210040100	Hồ Quốc Duy	16/11/2003	<u>[Signature]</u>	5.5	Năm năm	C24CK3	
5	2210040095	Nguyễn Ngọc Thái Dương	28/11/2004	<u>[Signature]</u>	6.0	Sáu	C24CK3	
6	2210040077	Bùi Sĩ Đan	03/10/2004	<u>[Signature]</u>	5.5	Năm năm	C24CK3	
7	2210040085	Lâm Thành Đạt	23/12/2004	<u>[Signature]</u>	VT		C24CK3	<u>[Signature]</u>
8	2210040081	Nguyễn Kim Đông	25/06/2003	<u>[Signature]</u>	6.0	Sáu	C24CK3	
9	2210040072	Võ Trọng Đức	04/03/2003	<u>[Signature]</u>	5.5	Năm năm	C24CK3	
10	2210040096	Lê Phước Hải	26/03/2004	<u>[Signature]</u>	5.5	Năm năm	C24CK3	
11	2210040079	Huỳnh Minh Hân	05/10/2004	<u>[Signature]</u>	6.5	Sáu năm	C24CK3	
12	2210040073	Lý Văn Huỳnh	01/01/2004	<u>[Signature]</u>	6.0	Sáu	C24CK3	
13	2210040089	Nguyễn Thành Khoa	11/01/2004	<u>[Signature]</u>	5.5	Năm năm	C24CK3	
14	2210040092	Phạm Tuấn Kiệt	04/20/2004	<u>[Signature]</u>	6.0	Sáu	C24CK3	
15	2210040086	Phạm Văn Phước Lộc	25/01/2004	<u>[Signature]</u>	5.5	Năm năm	C24CK3	
16	2210040097	Nguyễn Thanh Phong	11/10/2004	<u>[Signature]</u>	6.5	Sáu năm	C24CK3	
17	2210040074	Nguyễn Trần Hồng Phúc	03/12/2004	<u>[Signature]</u>	5.0	Năm	C24CK3	
18	2210040082	Trương Trọng Phúc	07/01/2004	<u>[Signature]</u>	6.0	Sáu	C24CK3	
19	2210040076	Nguyễn Minh Tài	24/04/2003	<u>[Signature]</u>	6.5	Sáu năm	C24CK3	
20	2210040091	Nguyễn Minh Thuận	29/08/2004	<u>[Signature]</u>	7.0	Bảy	C24CK3	
21	2210040093	Ngô Nhật Trường	05/02/2004	<u>[Signature]</u>	6.5	Sáu năm	C24CK3	
22	2210040099	Trần Nguyễn Trung Trực	28/08/2004	<u>[Signature]</u>	6.0	Sáu	C24CK3	
23	2210040075	Nguyễn Quốc Việt	08/08/2004	<u>[Signature]</u>	6.0	Sáu	C24CK3	

Lưu ý: Sinh viên chưa đóng học phí không được kiểm tra giữa kỳ và thi kết thúc học phần.

Tổng số sinh viên dự thi: 22 vắng thi: 1 Số bài thi: 22 / 22Số sinh viên đạt/không đạt: 22 / 0Tỷ lệ đạt: 100 %Ngày...9...tháng...11...năm...2023

TRƯỞNG KHOA/ BỘ MÔN

(ký & ghi rõ họ tên)

ThS. Phạm Văn Dũng

Ngày in: 15:46 18/09/2023

Ngày...9...tháng...11...năm...2023

GIÁO VIÊN CHẤM THI

(ký & ghi rõ họ tên)